

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28/4/2020

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 577/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 và Thông báo dời lịch xét xử số 10/TB-TA ngày 03 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích T, sinh năm 1986; (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã AT, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Phan Thanh V, sinh năm 1987; (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A1, xã AT, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị Bích T trình bày:

Chị và anh Phan Thanh V cưới nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V không quan tâm vợ con, làm bao nhiêu thì đi ăn nhậu với bạn bè, đã vài lần anh V còn đánh chị. Do đó, hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, gây gổ với nhau. Từ đầu năm 2019 thì chị và anh V sống ly thân, từ khi ly thân đến nay chị và anh V không hàn gắn lại được với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn lại được và không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh V, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Phan Thanh V.

- Về con chung: có 01 con chung, tên Phan Lê Vũ M, sinh ngày 12/02/2014, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi con chung và yêu cầu V cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng đến khi con chung tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Anh Phan Thanh V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Đại diện việc kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; thành viên Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Phan Thanh V đã được triệu tập hợp lệ để xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt do đó vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 9, 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị: chấp nhận chị Lê Thị Bích T được ly hôn anh Phan Thanh V. Giao cho chị T quyền trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Lê Vũ M, sinh ngày 09/11/2015. Buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Thanh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích T và anh Phan Thanh V tự nguyện kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị T và anh V phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, hai bên cũng không tìm ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình tố tụng anh V không đến Tòa tham gia hòa giải và tại phiên tòa anh V vẫn không đến. Điều đó thể hiện anh V không có thiện chí hàn gắn cùng chị T. Qua đó thấy rằng, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa Túy và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị Lê Thị Bích T yêu cầu ly hôn anh Phan thanh V là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh V có 01 con chung tên Phan Lê Vũ M, sinh ngày 12/02/2014, hiện đang sống cùng với chị T. Từ khi ly thân đến nay con chung do chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt. Do đó, việc giao cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Minh là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Đối với việc chị T cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu cấp dưỡng và mức cấp dưỡng này là phù hợp với việc nuôi con hiện nay nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Bích T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và anh Phan Thanh V có nghĩa vụ nộp án phí cấp dưỡng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích T được ly hôn với anh Phan Thanh V.

2. Về con chung: Giao con chung Phan Lê Vũ M, sinh ngày 12.02/2014 cho chị Lê Thị Bích T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phan Thanh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Lê Vũ M mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) đến khi cháu M tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 28/4/2020.

Anh Phan Thanh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn chị Lê Thị Bích T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006757 ngày 15/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Chị Lê Thị Bích T đã nộp xong án phí.

- Án phí cấp dưỡng: Anh Phan Thanh V có nghĩa vụ nộp án phí cấp dưỡng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã AT, huyện B, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Duy Linh